

Số: **51** /TB-UBND

Hàng Trống, ngày **25** tháng **01** năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai kinh phí tăng thêm đối với UB MTTQ phường, Ban công tác Mặt trận khu dân cư và quà tặng chúc thọ Người cao tuổi cho UBND 18 phường

Thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND phường Hàng Trống công khai quyết định bổ sung kinh phí dự toán chi của phường như sau:

1. Quyết định số **50** /QĐ-UBND ngày **25** /01/2021 của UBND phường Hàng Trống về việc bổ sung dự toán chi kinh phí tăng thêm đối với UB MTTQ phường, Ban công tác Mặt trận khu dân cư và quà tặng chúc thọ Người cao tuổi cho phường.

2. Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm về việc bổ sung kinh phí tăng thêm đối với UB MTTQ phường, Ban công tác Mặt trận khu dân cư và quà tặng chúc thọ Người cao tuổi cho UBND 18 phường

(có các quyết định kèm theo)

Thời gian công khai: Từ ngày 25/1/2021 đến ngày 25/2/2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quận Hoàn Kiếm;
- Phòng Tài chính Quận Hoàn Kiếm;
- Đảng ủy phường;
- Cơ quan của đoàn thể ở phường;
- Cổng thông tin điện tử, bảng niêm yết công khai phường;
- Các tổ trưởng;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Tuấn



Số : 50/QĐ-UBND

Hàng Trống, ngày 25 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung dự toán chi của phường Hàng Trống năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HÀNG TRỐNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22/1/2020 của UBND quận Hoàn Kiếm về việc bổ sung kinh phí tăng thêm đối với UB MTTQ phường, Ban công tác Mặt trận khu dân cư và quà tặng chúc thọ Người cao tuổi cho UBND 18 phường;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán UBND phường Hàng Trống,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách phường năm 2021 với số tiền: 61.600.000 đồng (Sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) để thực hiện hỗ trợ tăng thêm cho UBMTTQ phường, ban công tác mặt trận KDC và tăng thêm tặng quà, chúc thọ Người cao tuổi năm 2021.

Điều 2. Giao Kế toán UBND phường lập dự toán, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ và thanh quyết toán theo quy định của luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND, Kế toán và các Ban ngành được bổ sung kinh phí chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH quận Hoàn Kiếm;
- KBNN quận Hoàn Kiếm;
- Đảng ủy phường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Đặng Minh Tuấn





BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH

(Kèm theo quyết định số 50 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2021)

Tài khoản: 9527.4

Mã ĐVSDNS: 1089632

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	Nguồn	Chương	Loại	Khoản	Dự toán
Kinh phí hỗ trợ tăng thêm cho UBMTTQ và ban công tác mặt trận KDC	12	820	340	361	27,500,000
Kinh phí hỗ trợ tăng thêm tặng quà, chúc thọ Người cao tuổi	12	989	370	398	34,100,000
Tổng cộng					61,600,000

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.



Số: 270 /QĐ-UBND

Hoàn Kiếm, ngày 22 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ tăng thêm đối với Ủy ban MTTQ phường,
Ban công tác mặt trận khu dân cư và quà tặng, chúc thọ người cao tuổi
cho UBND 18 phường

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND quận Hoàn Kiếm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của quận Hoàn Kiếm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận Hoàn Kiếm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí chi Ngân sách Nhà nước năm 2021 cho UBND 18 phường số tiền là **1.504.200.000 đồng (Một tỷ năm trăm linh tư triệu hai trăm nghìn đồng)** từ nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu của Thành phố giao tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố Hà Nội gồm:

- Kinh phí hỗ trợ tăng thêm cho Ủy ban MTTQ phường và Ban công tác mặt trận khu dân cư theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 của HĐND thành phố Hà Nội là: 715.000.000 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ tăng thêm tặng quà, chúc thọ người cao tuổi theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội là: 789.200.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có trách hướng dẫn UBND các phường quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- UBND các phường có trách nhiệm rút dự toán tại kho bạc, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ, đối tượng và thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Giám đốc Kho bạc nhà nước Hoàn Kiếm, Chủ tịch UBND 18 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *van*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND quận;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Tuấn Long

Phụ lục 01

KINH PHÍ HỖ TRỢ TẶNG THÊM ĐỐI VỚI ỦY BAN MTTQ PHƯỜNG, BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN KDC VÀ QUÀ TẶNG CHÚC THỌ NGƯỜI CAO TUỔI CHO UBND 18 PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND quận Hoàn Kiếm)

Đơn vị: Đồng

TT	UBND phường	Hỗ trợ định mức tăng thêm cho Ủy ban MTTQ phường và Ban công tác mặt trận KDC (Theo Nghị quyết 07/2018/NQ-HĐND)	Hỗ trợ định mức tăng thêm tặng quà, chúc thọ người cao tuổi (Theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND)	Tổng
A	B	1	2	3=1+2
	Tổng cộng	715.000.000	789.200.000	1.504.200.000
1	Chương Dương	105.000.000	100.100.000	205.100.000
2	Cửa Đông	22.500.000	39.200.000	61.700.000
3	Cửa Nam	32.500.000	48.700.000	81.200.000
4	Đông Xuân	42.500.000	39.900.000	82.400.000
5	Hàng Bạc	37.500.000	37.000.000	74.500.000
6	Hàng Bài	32.500.000	42.000.000	74.500.000
7	Hàng Bồ	35.000.000	33.900.000	68.900.000
8	Hàng Bông	40.000.000	20.100.000	60.100.000
9	Hàng Buồm	30.000.000	56.300.000	86.300.000
10	Hàng Đào	50.000.000	27.800.000	77.800.000
11	Hàng Gai	40.000.000	47.300.000	87.300.000
12	Hàng Mã	12.500.000	49.800.000	62.300.000
13	Hàng Trống	27.500.000	34.100.000	61.600.000
14	Lý Thái Tổ	32.500.000	28.700.000	61.200.000
15	Phan Chu Trinh	17.500.000	42.000.000	59.500.000
16	Phúc Tân	115.000.000	45.000.000	160.000.000
17	Trần Hưng Đạo	15.000.000	55.400.000	70.400.000
18	Tràng Tiền	27.500.000	41.900.000	69.400.000

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 63 quyền số 01 SCT/BS



Ngày: 25-01-2021

[Handwritten signature]
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tuấn Anh



Handwritten text in a non-Latin script, possibly Cyrillic, located in the lower middle section of the page. The text is faint and difficult to decipher.

100



Phụ lục 02

KINH PHÍ HỖ TRỢ TẠNG THÊM CHO ỦY BAN MTTQ PHƯỜNG VÀ BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN KHU DÂN CƯ

(Theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 của HĐND thành phố Hà Nội)

(Kèm theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND quận Hoàn Kiếm) *Phan*

Đơn vị: Đồng

TT	UBND phường	Theo Nghị quyết 07/2018/NQ-HĐND				Mức chi hỗ trợ Ban công tác MT KDC định mức cũ (5.000.000/KDC)	Số tiền
		Số khu dân cư có từ dưới 700 hộ dân	Mức chi hỗ trợ Ban công tác MT KDC (7.500.000/KDC)	Mức chi hỗ trợ UBMTTQ xã (30.000.000/phường)	Tổng		
A	B	1	2	3	4=2+3	5	6=4-5
	Mức chi		7.500.000	30.000.000		5.000.000	
	Tổng cộng	132	990.000.000	540.000.000	1.530.000.000	815.000.000	715.000.000
1	Chương Dương	18	135.000.000	30.000.000	165.000.000	60.000.000	105.000.000
2	Cửa Đông	7	52.500.000	30.000.000	82.500.000	60.000.000	22.500.000
3	Cửa Nam	7	52.500.000	30.000.000	82.500.000	50.000.000	32.500.000
4	Đồng Xuân	9	67.500.000	30.000.000	97.500.000	55.000.000	42.500.000
5	Hàng Bạc	5	37.500.000	30.000.000	67.500.000	30.000.000	37.500.000
6	Hàng Bài	7	52.500.000	30.000.000	82.500.000	50.000.000	32.500.000
7	Hàng Bồ	6	45.000.000	30.000.000	75.000.000	40.000.000	35.000.000
8	Hàng Bông	6	45.000.000	30.000.000	75.000.000	35.000.000	40.000.000
9	Hàng Buồm	6	45.000.000	30.000.000	75.000.000	45.000.000	30.000.000
10	Hàng Đào	6	45.000.000	30.000.000	75.000.000	25.000.000	50.000.000
11	Hàng Gai	6	45.000.000	30.000.000	75.000.000	35.000.000	40.000.000
12	Hàng Mã	7	52.500.000	30.000.000	82.500.000	70.000.000	12.500.000
13	Hàng Trống	5	37.500.000	30.000.000	67.500.000	40.000.000	27.500.000
14	Lý Thái Tổ	5	37.500.000	30.000.000	67.500.000	35.000.000	32.500.000
15	Phan Chu Trinh	5	37.500.000	30.000.000	67.500.000	50.000.000	17.500.000
16	Phúc Tân	16	120.000.000	30.000.000	150.000.000	35.000.000	115.000.000
17	Trần Hưng Đạo	6	45.000.000	30.000.000	75.000.000	60.000.000	15.000.000
18	Tràng Tiền	5	37.500.000	30.000.000	67.500.000	40.000.000	27.500.000

Phụ lục 03

KINH PHÍ HỖ TRỢ TẶNG THÊM QUÀ TẶNG, CHÚC THỌ NGƯỜI CAO TUỔI NĂM 2021

(theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội)

(Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2021 của UBND quận Hoàn Kiếm)

Đơn vị: Đồng

STT	UBND phường	Số lượng người cao tuổi				Kinh phí tặng thêm thực hiện NQ 11/2018/NQ-HĐND			
		Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số
		>100 tuổi	95 tuổi	70,75,80,85 tuổi		>100 tuổi	95 tuổi	70,75,80,85 tuổi	
A	B	4	5	6	7	4	5	6	7
	Định mức tặng thêm					200.000	500.000	200.000	
	Tổng cộng	35	154	3.526	3.715	7.000.000	77.000.000	705.200.000	789.200.000
1	Chương Dương	4	15	459	478	800.000	7.500.000	91.800.000	100.100.000
2	Cửa Đông	1	6	180	187	200.000	3.000.000	36.000.000	39.200.000
3	Cửa Nam	1	9	220	230	200.000	4.500.000	44.000.000	48.700.000
4	Đông Xuân	2	7	180	189	400.000	3.500.000	36.000.000	39.900.000
5	Hàng Bạc	2	6	168	176	400.000	3.000.000	33.600.000	37.000.000
6	Hàng Bài	-	8	190	198	-	4.000.000	38.000.000	42.000.000
7	Hàng Bồ	1	7	151	159	200.000	3.500.000	30.200.000	33.900.000
8	Hàng Bông	-	3	93	96	-	1.500.000	18.600.000	20.100.000
9	Hàng Buồm	1	17	238	256	200.000	8.500.000	47.600.000	56.300.000
10	Hàng Đào	1	2	133	136	200.000	1.000.000	26.600.000	27.800.000
11	Hàng Gai	1	11	208	220	200.000	5.500.000	41.600.000	47.300.000
12	Hàng Mã	3	18	201	222	600.000	9.000.000	40.200.000	49.800.000
13	Hàng Trống	3	3	160	166	600.000	1.500.000	32.000.000	34.100.000
14	Lý Thái Tổ	1	1	140	142	200.000	500.000	28.000.000	28.700.000
15	Phan Chu Trinh	3	14	172	189	600.000	7.000.000	34.400.000	42.000.000
16	Phúc Tân	3	2	217	222	600.000	1.000.000	43.400.000	45.000.000
17	Trần Hưng Đạo	8	20	219	247	1.600.000	10.000.000	43.800.000	55.400.000
18	Tràng Tiền	-	5	197	202	-	2.500.000	39.400.000	41.900.000

